



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Handwritten red stamp or signature on the right edge of the page.

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2013	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở được đặt tại 742/5 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình;
- Quảng cáo;
- Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động hỗ trợ vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa trên biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ vải len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đỗ Hồng Phúc	Chủ tịch
Ông Low Kok Ann	Phó Chủ tịch
Bà Đỗ Hạnh Minh Châu	Thành viên
Ông Đỗ Duy Huynh	Thành viên
Ông Low See Ching	Thành viên
Ông Tay Eng Kiat Jackson	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đỗ Hồng Phúc	Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Wu Pei Cong	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Mai Thị Xuân Vương	Thành viên
Ông Mai Quốc Khoa	Thành viên

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2013



ĐỖ HỒNG PHÚC





**RSM DTL Auditing**

Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ  
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027  
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 13.468/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 20 tháng 07 năm 2013 của Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN

D.T.L

QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

**TẶNG QUỐC THẮNG**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

**DIỆC LỆ BÌNH**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số 1714-2013-026-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>91.049.817.747</b>	<b>87.655.933.382</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>12.429.404.769</b>	<b>20.749.579.221</b>
1. Tiền	111		1.829.404.769	4.249.579.221
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.600.000.000	16.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>24.426.222.382</b>	<b>13.370.759.356</b>
1. Phải thu khách hàng	131		23.942.636.309	12.642.925.458
2. Trả trước cho người bán	132		414.178.432	727.833.898
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		69.407.641	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>48.365.616.086</b>	<b>49.388.773.911</b>
1. Hàng tồn kho	141		48.889.480.738	50.028.192.243
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(523.864.652)	(639.418.332)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.828.574.510</b>	<b>4.146.820.894</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	308.221.443	682.477.711
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.982.372.262	2.706.571.735
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	260.715.064	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	3.277.265.741	757.771.448

(Phần tiếp theo trang 05)



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.128.981.791</b>	<b>6.191.200.235</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>618.087.141</b>	<b>1.260.208.222</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	340.687.142	1.260.208.222
+ Nguyên giá	222	5.7	496.804.782	1.839.690.518
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223	5.7	(156.117.640)	(579.482.296)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	277.399.999	-
+ Nguyên giá	228	5.8	307.640.000	13.405.035
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229	5.8	(30.240.001)	(13.405.035)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>600.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.9	600.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>910.894.650</b>	<b>4.930.992.013</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	283.486.650	1.876.686.087
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	333.857.926
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	627.408.000	2.720.448.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>93.178.799.538</b>	<b>93.847.133.617</b>

587 C  
 STY  
 HỒ M  
 OÁN  
 5 CHỈ M

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.355.653.281</b>	<b>22.489.657.684</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.355.653.281</b>	<b>22.489.657.684</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.12	15.206.619.690	17.118.136.939
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	5.017.475.456	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	42.799.480	1.028.529.220
5. Phải trả người lao động	315	5.14	1.000.000.000	2.160.000.000
6. Chi phí phải trả	316	5.15	1.040.090.135	2.174.200.826
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		48.668.520	8.790.699
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>70.823.146.257</b>	<b>71.357.475.933</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>70.823.146.257</b>	<b>71.357.475.933</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.250.600.000	24.250.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		43.328.949.300	43.328.949.300
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.243.596.957	3.777.926.633
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>93.178.799.538</b>	<b>93.847.133.617</b>





# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

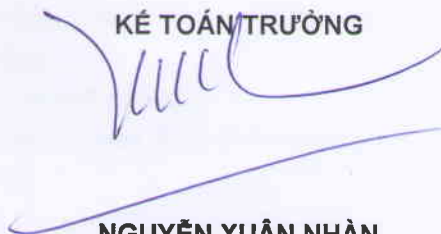
Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		100,25	100,19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN XUÂN NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HỒNG PHÚC

1020  
C  
PH  
EM  
D.  
IP

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

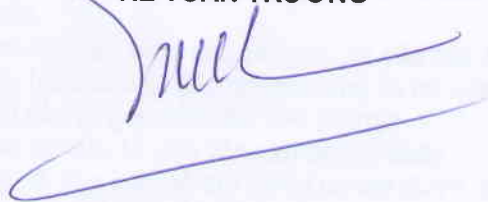
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	54.693.602.069	21.059.033.239
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	418.585.686	42.462.766
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54.275.016.383	21.016.570.473
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	37.638.225.609	16.015.620.195
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.636.790.774	5.000.950.278
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	664.740.696	5.184.689
7. Chi phí tài chính	22	6.4	214.063.263	-
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	13.176.832.704	3.904.541.943
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	4.481.373.422	965.665.667
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(570.737.919)	135.927.357
11. Thu nhập khác	31	6.7	3.033.727.148	55.794.332
12. Chi phí khác	32	6.8	2.663.460.979	43.217.093
13. Lợi nhuận khác	40		370.266.169	12.577.239
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(200.471.750)	148.504.596
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	37.126.149
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		333.857.926	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(534.329.676)	111.378.447

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN XUÂN NHÀN

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HỒNG PHÚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(200.471.750)	148.504.596
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		220.541.882	235.242.873
Các khoản dự phòng	03		(115.553.680)	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		132.501.559	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(593.160.753)	(5.184.689)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>(556.142.742)</b>	<b>378.562.780</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.544.118.525)	(1.453.723.606)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.138.711.505	44.718.178.207
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		655.732.097	47.414.625.577
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.117.457.355	3.912.906.704
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(922.238.059)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.171.990.356	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.646.304.741)	(1.353.360.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.584.912.754)</b>	<b>93.617.189.662</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kt	21		(629.095.247)	(403.876.723)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		900.672.796	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(600.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		593.160.753	5.184.689
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>264.738.302</b>	<b>(398.692.034)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

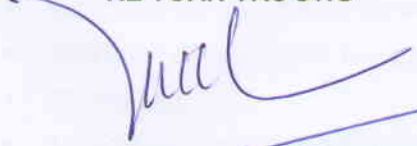
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(8.320.174.452)</b>	<b>93.218.497.628</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>20.749.579.221</b>	<b>173.658.520</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>12.429.404.769</b>	<b>93.392.156.148</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN XUÂN NHÀN



TỔNG GIÁM ĐỐC  
ĐỖ HỒNG PHÚC



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

*7Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 742/5 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000.000.000 đồng.

### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình;
- Quảng cáo;
- Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động hỗ trợ vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa trên biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ vải len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

## 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/07 đến 30/06; riêng năm tài chính đầu tiên bắt đầu cho việc chuyển đổi niên độ kế toán kể từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.





# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

## 4. Các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### 4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dễ dàng, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
+ Tài sản cố định vô hình	03 năm

#### 4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Dựa trên nghị quyết đại hội cổ đông.

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

### 4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

### 4.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 4.12. Số liệu so sánh

Năm 2013 là năm đầu tiên cho giai đoạn chuyển đổi niên độ kế toán. Số liệu năm nay trên bảng kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ được trình bày cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013. Số liệu năm trước được trình bày cho giai đoạn 01/01/2013 đến 30/06/2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	70.761.619	389.250.074
Tiền gửi ngân hàng	1.758.643.150	3.860.329.147
Các khoản tương đương tiền	10.600.000.000	16.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.429.404.769</b>	<b>20.749.579.221</b>

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	23.942.636.309	12.642.925.458
Trả trước cho người bán	414.178.432	727.833.898
Các khoản phải thu khác	69.407.641	-
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>24.426.222.382</b>	<b>13.370.759.356</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>24.426.222.382</b>	<b>13.370.759.356</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Đá Thế Giới – Xem thêm mục 7	14.623.071.055	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.623.071.055</b>	-

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	125.060.660	667.205.380
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.381.255	201.236.687
Hàng hóa	48.714.038.823	49.159.750.176
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>48.889.480.738</b>	<b>50.028.192.243</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(523.864.652)	(639.418.332)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>48.365.616.086</b>	<b>49.388.773.911</b>

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	46.389.852	25.090.040
Chi phí chờ kết chuyển	261.831.591	657.387.671
<b>Tổng cộng</b>	<b>308.221.443</b>	<b>682.477.711</b>

**5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

Là thuế nhập khẩu được hoàn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.6. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	25.000.000	90.956.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.252.265.741	666.815.448
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.277.265.741</b>	<b>757.771.448</b>

Trong đó: ký quỹ, ký cược ngắn hạn để mở L/C chi tiết theo từng ngân hàng như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	1.148.514	666.815.448
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	3.251.117.227	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.252.265.741</b>	<b>666.815.448</b>

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	278.325.330	744.449.164	816.916.024	1.839.690.518
Mua trong năm	222.899.022	57.306.225	-	280.205.247
Thanh lý, nhượng bán	-	(590.719.078)	(816.916.024)	(1.407.635.102)
Phân loại lại theo thông tư 45/2013-TT BTC	(111.641.233)	(103.814.648)	-	(215.455.881)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>389.583.119</b>	<b>107.221.663</b>	<b>-</b>	<b>496.804.782</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	102.886.313	222.936.406	253.659.577	579.482.296
Khấu hao trong năm	63.789.509	75.398.983	45.384.224	184.572.716
Thanh lý, nhượng bán	-	(207.918.505)	(299.043.801)	(506.962.306)
Phân loại lại theo thông tư 45/2013-TT BTC	(62.007.519)	(38.967.547)	-	(100.975.066)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>104.668.303</b>	<b>51.449.337</b>	<b>-</b>	<b>156.117.640</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	175.439.017	521.512.758	563.256.447	1.260.208.222
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>284.914.816</b>	<b>55.772.326</b>	<b>-</b>	<b>340.687.142</b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 77.977.597 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.8. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	-	13.405.035	-	13.405.035
Mua trong năm	307.640.000	18.000.000	23.250.000	348.890.000
Phân loại lại theo thông tư 45/2013-TT BTC	-	(31.405.035)	(23.250.000)	(54.655.035)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>307.640.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>307.640.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	13.405.035	-	13.405.035
Khấu hao trong năm	30.240.001	2.500.000	3.229.165	35.969.166
Phân loại lại theo thông tư 45/2013-TT BTC	-	(15.905.035)	(3.229.165)	(19.134.200)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>30.240.001</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.240.001</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>277.399.999</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>277.399.999</b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.405.035 đồng.

**5.9. Đầu tư vào công ty con**

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đá Thế Giới với tỷ lệ góp vốn là 100%.

**5.10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sửa chữa showroom Tô Hiến Thành	-	1.876.686.087
Phân bổ chi phí thi công kho chứa thiết bị vệ sinh	133.485.000	-
Phân bổ công cụ dụng cụ	150.001.650	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>283.486.650</b>	<b>1.876.686.087</b>

(phần tiếp theo ở trang 18)

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.11. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê showroom 207 Tô Hiến Thành, P13, Q10, Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.250.040.000
Đặt cọc thuê showroom 768 Sư Vạn Hạnh, P13, Q10, Thành phố Hồ Chí Minh	-	738.000.000
Đặt cọc tiền thuê các căn hộ Nguyễn Khánh Toàn làm văn phòng và phòng trưng bày	-	100.000.000
Đặt cọc taxi Mai linh cho chi nhánh Hà Nội	-	5.000.000
Đặt cọc tiền thuê kho Hiệp Bình Phước theo phụ lục hợp đồng số 02/12/PKHĐ	306.288.000	306.288.000
Đặt cọc tiền thuê kho Hiệp Bình Phước theo hợp đồng số 05-12/HDTN/I.G	171.072.000	171.072.000
Đặt cọc thuê kho Hiệp Bình Phước theo phụ lục hợp đồng số 08/12/PKHĐ ngày 24/07/12	66.528.000	66.528.000
Đặt cọc tiền thuê nhà 742/5 Nguyễn Kiệm, Gò Vấp	83.520.000	83.520.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>627.408.000</b>	<b>2.720.448.000</b>

### 5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	15.206.619.690	17.118.136.939
Người mua trả tiền trước	5.017.475.456	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.224.095.146</b>	<b>17.118.136.939</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải trả các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Gốm sứ Việt – Xem thêm mục 7	2.663.996.402	16.691.703.491
Công ty TNHH MTV Đá Thế Giới – Xem thêm mục 7	236.709.913	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.900.706.315</b>	<b>16.691.703.491</b>

### 5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	922.238.059
Thuế thu nhập cá nhân	42.799.480	106.291.161
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.799.480</b>	<b>1.028.529.220</b>

### 5.14. Phải trả người lao động

Là khoản trích lập dự phòng quỹ lương.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.15. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước hoa hồng	603.623.857	919.995.667
Trích trước chi phí vận chuyển	261.972.890	637.405.244
Trích trước chi phí gia công	65.523.650	188.818.321
Trích trước chi phí điện, nước	-	27.565.696
Trích trước chi phí khác	108.969.738	400.415.898
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.040.090.135</b>	<b>2.174.200.826</b>

### 5.16. Vốn chủ sở hữu

#### 5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	10.000.000.000	-	(1.027.671.065)	8.972.328.935
Tăng vốn trong năm trước	14.250.600.000	43.328.949.300	-	57.579.549.300
Lợi nhuận năm trước	-	-	4.805.597.698	4.805.597.698
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>24.250.600.000</b>	<b>43.328.949.300</b>	<b>3.777.926.633</b>	<b>71.357.475.933</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	(534.329.676)	(534.329.676)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>24.250.600.000</b>	<b>43.328.949.300</b>	<b>3.243.596.957</b>	<b>70.823.146.257</b>

#### 5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của các cá nhân	12.367.800.000	12.367.800.000
Vốn góp của Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE	11.882.800.000	11.882.800.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.250.600.000</b>	<b>24.250.600.000</b>

#### 5.16.3. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.425.060	2.425.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	2.425.060	2.425.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.425.060	2.425.060
▪ Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	54.693.602.069	21.059.033.239
Hàng bán bị trả lại	(393.734.551)	(42.462.766)
Giảm giá hàng bán	(17.390.776)	-
Chiết khấu thương mại	(7.460.359)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>54.275.016.383</b>	<b>21.016.570.473</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.114.360.957	16.015.620.195
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	523.864.652	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.638.225.609</b>	<b>16.015.620.195</b>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	593.160.753	5.184.689
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.485.090	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.094.853	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>664.740.696</b>	<b>5.184.689</b>

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	76.466.851	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	137.596.412	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>214.063.263</b>	<b>-</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên bán hàng	3.625.475.021	81.704.421
Chi phí vật liệu bao bì	352.949.491	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	143.288.998	268.757.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	219.807.034	208.077.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.739.002.522	2.667.062.190
Chi phí bằng tiền khác	2.096.309.638	678.940.823
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.176.832.704</b>	<b>3.904.541.943</b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.294.882.150	673.969.077
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	53.190.515	16.781.843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	734.848	27.165.582
Thuế, phí và lệ phí	183.297.034	17.484.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	612.005.841	96.190.070
Chi phí bằng tiền khác	337.263.034	134.074.778
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.481.373.422</b>	<b>965.665.667</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	1.752.970.679	-
Thu thanh lý tài sản cố định	900.672.796	-
Chiết khấu thanh toán	301.145.982	-
Thu tiền phí vận chuyển	17.902.940	4.900.000
Khác	61.034.751	50.894.332
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.033.727.148</b>	<b>55.794.332</b>

### 6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi thanh lý công cụ dụng cụ	1.752.770.679	-
Chi thanh lý tài sản cố định	900.672.796	-
Khác	10.017.504	43.217.093
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.663.460.979</b>	<b>43.217.093</b>

### 6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	37.638.225.609	16.015.620.195
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.429.004	285.539.061
Chi phí nhân công	6.920.357.171	755.673.498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	220.541.882	235.242.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.534.305.397	2.780.736.577
Chi phí khác bằng tiền	2.433.572.672	813.015.601
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.296.431.735</b>	<b>20.885.827.805</b>

### 7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Đá Thế Giới	Công ty con
2. Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE.	Cổ đồng chính
3. Công ty TNHH Gốm sứ Việt	Công ty có cùng cá nhân nắm quyền kiểm soát

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.2	14.623.071.055	-
Phải trả – Xem thêm mục 5.12	2.900.706.315	16.691.703.491



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH MTV Đá Thế Giới</b>		
Bán hàng	16.158.100.641	-
Mua hàng	2.326.508	-
<b>Công ty TNHH Gốm Sứ Việt</b>		
Bán hàng	93.873.043	3.249.871.850
Mua hàng	3.306.625.530	51.669.242.880
Mua tài sản cố định	-	90.698.554
▪ Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:		
	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	1.451.370.000	870.894.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.451.370.000</b>	<b>870.894.000</b>

### 8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.429.404.769	20.749.579.221
Phải thu khách hàng	23.942.636.309	12.642.925.458
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn	3.879.673.741	3.387.263.448
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.251.714.819</b>	<b>36.779.768.127</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	15.206.619.690	17.118.136.939
Chi phí phải trả	1.040.090.135	2.174.200.826
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.246.709.825</b>	<b>19.292.337.765</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### ▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	528.778,57	399.605,03	138.691,92	28.957,45
Euro (EUR)	21.317,44	-	12.653,83	6.116,46

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.206.619.690	15.206.619.690
Chi phí phải trả	1.040.090.135	1.040.090.135
01/01/2013	Dưới 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	17.118.136.939	17.118.136.939
Chi phí phải trả	2.174.200.826	2.174.200.826

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	23.942.636.309	-	23.942.636.309
Ký quỹ, ký cược	3.252.265.741	627.408.000	3.879.673.741
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	12.642.925.458	-	12.642.925.458
Ký quỹ, ký cược	666.815.448	2.720.448.000	3.387.263.448

## 9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

## 10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 07 năm 2013.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN XUÂN NHÀN



ĐỖ HỒNG PHÚC